

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2021

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công K..i vụ án thụ lý số: 438/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M., sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K, xin vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lôi Văn Đức – Trưởng Văn phòng Luật sư Hùng Đức thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 368 Cử Trị, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, xin vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H., sinh năm 1981, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 12 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.. trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh H.. tìm hiểu và yêu thương, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2005, đến ngày 12/9/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh K. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại ấp A, xã A, huyện T, do lúc đó ở cùng cha mẹ chồng xảy ra

hiều chuyện, nên khoảng hơn 01 năm sau cưới thì bà cùng chồng về sống nhà cha mẹ ruột tại ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K.

Khoảng thời gian hơn 01 năm nay (đầu năm 2020) giữa bà và ông H.. thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chồng hay ghen tuông, nên bà đã sống ly thân từ đó đến nay. Bà đã tạo điều kiện để hàn gắn rất nhiều lần, nay không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên bà xin ly hôn với ông H..

- Về con chung: Có ba (03) con chung là Nguyễn Thanh T1.., sinh ngày 21/12 /2006, Nguyễn Minh K.. sinh ngày 14/07/2011 và Nguyễn Hoài T2.. sinh ngày 28/04/2015. Bà M.. yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoài T2.. sinh ngày 28/04/2015, riêng đối với cháu T1.. và K.. thì bà M.. thống nhất theo nguyện vọng của con. Bà không yêu cầu cấp dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh H.. trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà M.. và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M..

- Về con chung: Có ba (03) con chung tên Nguyễn Thanh T1.., sinh ngày 21/12 /2006, Nguyễn Minh K.. sinh ngày 14/07/2011 và Nguyễn Hoài T2.. sinh ngày 28/04/2015. Nếu ly hôn ông yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung cháu K.. và cháu T2.., riêng cháu T1.. tùy theo nguyện vọng của con. Ông không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tiền mặt 120.000.000 đồng đang cho vay bên nhà cha mẹ ruột bà M.. do bà M.. đang quản lý, ông yêu cầu chia đôi theo pháp luật.

- Về nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M.. và ông Nguyễn Thanh H..

có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn. Cả hai mâu thuẫn không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020, qua thời gian dài cả hai vẫn không tạo điều kiện hàn gắn được, do đó giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà M...

+ Về con chung: Có ba (03) con chung Nguyễn Thanh T1.., sinh ngày 21/12 /2006, Nguyễn Minh K.. sinh ngày 14/07/2011 và Nguyễn Hoài T2.. sinh ngày 28/04/2015. Bà M.. yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T2.., tuy nhiên từ khi không còn sống với nhau thì cháu T2.. do ông H.. nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện học tập, không làm thay đổi sinh hoạt nên tiếp tục giao con chung cho ông H.. nuôi dưỡng. Các cháu T1.., K.. đều có trình bày nguyện vọng nên cần ghi nhận ý kiến của các cháu, giao cháu T1.. cho bà M.. nuôi dưỡng và giao cháu K.. cho ông H.. nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ông H.. có yêu cầu phản tố chia tài sản chung và đã được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập ông H.. tham gia phiên tòa vào các ngày 21/9/2021 và 29/9/2021 nhưng ông đều vắng mặt là xem như từ bỏ việc khởi kiện, vì vậy đình chỉ yêu cầu phản tố này là phù hợp.

+ Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xin vắng mặt, tuy nhiên có bản luận cứ trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Bà M.. và ông H.. được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2005, về pháp lý họ là vợ chồng do có giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 12/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh K.

- Về tài sản chung: Qua đơn phản tố của ông H.. cho rằng bà M.. có giữ số tiền chung là 120.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ, bà M.. cũng không thừa nhận nên đề nghị bác yêu cầu về chia tài sản chung.

- Về nuôi con chung: Cả hai có 03 con chung, hiện nay cháu Nguyễn Thanh T1.., sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Minh K.., sinh năm 2011 có quyền tự chọn ở với cha hoặc mẹ, riêng cháu Nguyễn Hoài T2.., sinh năm 2015 nên chưa ghi nhận ý kiến.

Sau khi bà M.. và ông H.. xảy ra mâu thuẫn, ông H.. đem 02 cháu K.. và Thanh về bên nội sinh sống, nhưng thực tế ông H.. đi làm xa ở Kiên Giang, để 02 cháu cho ông bà nội chăm sóc cùng với nuôi 02 con khác của em ông H.., do ông bà nội đã lớn tuổi việc nuôi thêm con ông H.. là phải gánh nặng và không đảm bảo cho các cháu.

Nên đề nghị xem xét ghi nhận ý kiến của cháu T1.. và cháu K.. theo

nguyện vọng, riêng cháu T2.. giao lại cho bà M.. nuôi dưỡng để được chăm sóc, nhằm đảm bảo cuộc sống được tốt hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M..; bị đơn ông Nguyễn Thanh H..; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lôi Văn Đức đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng ông H.. vắng mặt không có lý do chính đáng, riêng bà M.. và Luật sư Lôi Văn Đức có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H.. có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà M.. và ông H.. chung sống từ năm 2005, vào năm 2006 có con chung đầu tiên, cả hai đảm bảo điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 12/09/2016 mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 90 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh K, nên hôn nhân của bà M.. và ông H.. hợp pháp theo pháp luật kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Bà M.. yêu cầu ly hôn, đồng thời ông H.. cũng đồng ý ly hôn nhưng do các bên vắng mặt không tiến hành hòa giải được nên ghi nhận sự thống nhất này, do đó giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà M.. là phù hợp.

- Về con chung: Có ba (03) con chung Nguyễn Thanh T1.., sinh ngày 21/12/2006, Nguyễn Minh K.. sinh ngày 14/07/2011 và Nguyễn Hoài T2.. sinh ngày 28/04/2015. Cháu T1.. có nguyện vọng sống chung với bà M.., cháu K.. có nguyện vọng sống với ông H... Riêng cháu T2.. chưa đủ 07 tuổi nên không ghi nhận ý kiến, tuy nhiên từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau cháu T2.. vẫn do ông H.. nuôi dưỡng, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập, không làm thay đổi hoàn cảnh sống cần tiếp tục giao cháu T2.. cho ông H.. nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, giao cháu T1.. cho bà M.. nuôi dưỡng và giao cháu K.., cháu T2.. cho ông H.. nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M.. và ông H.. không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết ông H.. có yêu cầu phản tố chia tài sản bằng tiền mặt 120.000.000 đồng do bà M.. đang quản lý, ông yêu cầu chia đôi mỗi người được nhận 60.000.000 đồng. Được Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố ngày 14/01/2021, tuy nhiên ông H.. đều vắng mặt theo triệu tại của Tòa án tham gia phiên tòa vào các ngày 21/9/2021 và 29/9/2021 nhưng không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố này là phù hợp.

Ông H.. có quyền khởi kiện lại chia tài sản theo quy định.

- Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và theo bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, mà chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M.. khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch; ông Nguyễn Thanh H.. không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 202, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.. và Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh H..

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M.. và ông Nguyễn Thanh H..

- Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Thanh T1.., sinh ngày 21/12 /2006 cho bà Nguyễn Thị M.. trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Nguyễn Minh K.. sinh ngày 14/07/2011 và Nguyễn Hoài T2.. sinh ngày 28/04/2015 cho ông Nguyễn Thanh H.. trực tiếp nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị M.. và ông Nguyễn Thanh H.. không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị M.. và ông Nguyễn Thanh H.. cùng các thành viên gia đình không được cản trở các bên quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M.. phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0005958 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Nguyễn Thị M.. đã nộp xong.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (*một triệu, năm trăm ngàn đồng*) do ông Nguyễn Thanh H.. đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0006263 ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90, ngày 12/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh K không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ